

Số: 86/QĐ-CĐS

Hà Nội, ngày 20 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Cục Chuyển đổi số

CỤC TRƯỞNG CỤC CHUYÊN ĐỔI SỐ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao, điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 của Cục Chuyển đổi số (chi tiết biểu 01 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tài chính - Thống kê và các đơn vị dự toán cấp III trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ KH-TC;
- Cổng TTĐT Bộ NN&MT (để công khai);
- Lưu: VT, TCTK.

Lê Phú Hà

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**BIỂU 01****Đơn vị: Cục Chuyển đổi số****Chương: 012****DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 86/QĐ-CDS ngày 20 tháng 05 năm 2025 của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số)**ĐV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng	Trung tâm Thống kê và Nền tảng số	Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện	Trung tâm Hạ tầng số	Trung tâm Dữ liệu thông tin phía Nam	Trung tâm Kiểm định
1	2	3	4=5+6+7+8+9+10	5	6	7	8	9	10
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	36.197	36.197	10.391	2.731	2.277	13.090	7.159	549
1	Chi quản lý hành chính	10.091	10.091	10.091	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.613	9.613	9.613					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	478	478	478					
2	Nghiên cứu khoa học	2.542	2.542	0	1.592	636	301	0	13
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	1.592	1.592	0	1.592	0	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	1.592	1.592		1.592				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó					
				Văn phòng	Trung tâm Thống kê và Nền tảng số	Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Thư viện	Trung tâm Hạ tầng số	Trung tâm Dữ liệu thông tin phía Nam	Trung tâm Kiểm định
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0						
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	950	950			636	301		13
3	Chi hoạt động kinh tế	23.464	23.464	300	1.139	1.641	12.789	7.159	436
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	23.464	23.464	300	1.139	1.641	12.789	7.159	436
4	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	100	100	0	0	0	0	0	100
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	100	100						100